

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2023.

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ký

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, bản tự khai ngày 16/02/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T như sau:

Chị T kết hôn với anh Đỗ Xuân Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/4/2011. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xung đột; do mâu thuẫn trầm trọng chị T và anh Đ sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay và từ thời gian đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Xuân Đ.

Về con: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014; hiện nay cả 02 con đang ở với anh Đ.

Tại phiên tòa chị T đề nghị do điều kiện công việc hiện nay không thường xuyên ở nhà nên chị đề cả 02 cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng là 2.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 6/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân Đ: Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 09/TB-TLVA ngày 13/02/2023, đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do; Tòa án đã cùng Thôn trưởng thôn K, xã N giao trực tiếp cho anh Đỗ Xuân Đ các văn bản tố tụng gồm Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 09/TB-TA ngày 01/3/2023, số 10/TB-TA ngày 13/3/2023; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 10/TB-TA ngày 22/3/2023; sau khi được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng anh Đ đều từ chối không nhận, không ký vào các biên bản Tòa án đã lập; Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2023 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Xuân Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014; hiện nay cả 02 con đang ở với anh Đ; các con đều đủ 07 tuổi trở lên, Tòa án đã yêu cầu anh Đ đưa 02 cháu lên để lấy ý kiến về nguyện vọng của các cháu, nhưng anh Đ không đưa lên Tòa án, Tòa án đã trực tiếp xuống nơi cư trú của anh Đ (Nơi ở của 02 cháu), nhưng anh Đ không cho Tòa án tiến hành ghi, lấy lời khai của các cháu nên Tòa án đã lập Biên bản để làm căn cứ giải quyết vụ án. Các lần lập Biên bản về việc anh Đ từ chối không nhận các văn bản tố tụng anh có thể hiện “chị T là người tự nộp đơn thì tự giải quyết, anh Đ không đồng ý ly hôn”.

Biên bản xác minh ngày 27/02/2023 với Ủy ban nhân dân xã N: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng, sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn chị T và anh Đ sinh sống tại thôn K, xã N, huyện H. Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh Đ, chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến vợ chồng sống ly thân; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ, vì anh chị không đề nghị chính quyền địa phương tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn, xã không can thiệp được.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Anh Đ và chị T có 02 con chung là cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014; hiện nay cháu Q và cháu P đang ở với anh Đ và bà nội ở thôn K, xã N, huyện H; điều kiện sống của 02 cháu ổn định bình thường, được ăn học bình thường, không ai ngược đãi, hành hạ gì. Anh Đ và chị T đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, đều là lao động tự do, có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn; xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Đỗ Xuân Đ; giao 02 cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014 cho anh Đỗ Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng mỗi tháng, kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên; chị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Xuân Đ có nơi cư trú ở xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Xuân Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm bản tự khai, tham gia hòa giải, giao các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã giao trực tiếp cho anh Đ tại nơi cư trú nhưng anh Đ đều từ chối không nhận, không ký vào biên bản giao nhận; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn, đăng ký kết hôn số 33 ngày 05/4/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; theo chị T trình bày nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xung đột; vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Xuân Đ; xét thấy trong cuộc sống vợ chồng chị T và anh Đ có mâu thuẫn, đã ly thân từ cuối năm 2018, hai bên không có quan tâm đến nhau; anh Đ không làm bản khai nên

không xác định được yêu cầu của anh như thế nào, nhưng theo xác minh tại địa phương thể hiện “Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh Đ, chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến vợ chồng sống ly thân”; mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có mặt tại Tòa án, anh cũng không có ý kiến gì về việc hôn nhân này, như vậy anh cũng như bỏ mặc việc giải quyết ly hôn tại Tòa án, điều đó thể hiện anh Đ không có thiện chí đoàn tụ, không thể hiện sự mong muốn được Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Do đó về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ cũng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Xuân Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014; hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh Đ; tại phiên tòa chị T đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; xét về đề nghị của chị T thấy rằng hiện nay 02 cháu đang ở với anh Đ, để tránh sự xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định của các cháu và theo như xác minh với Ủy ban nhân dân xã N “điều kiện sống của 02 cháu ổn định bình thường, được ăn học bình thường, không ai ngược đãi, hành hạ gì” nên tiếp tục để các cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với các cháu Đỗ Trung Q, Đỗ Tiến P mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 6/2023; đây là tự nguyện của chị T không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết, quá trình giải quyết anh Đ không thể hiện yêu cầu của mình về tài sản và công nợ nên giành quyền dân sự cho anh Đ khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật dân sự.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với phần cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, phần còn lại buộc chị T thi hành tiếp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Đỗ Xuân Đ.

Về con: Công nhận chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Xuân Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Trung Q, sinh ngày 10/5/2011 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 08/9/2014; giao cho anh Đỗ Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Trung Q và Đỗ Tiến P; chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ đối với cháu Đỗ Trung Q và Đỗ Tiến P mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), hai cháu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể tháng 6 năm 2023 cho đến khi các cháu Đỗ Trung Q và Đỗ Tiến P đủ tuổi thành niên.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo Biên lai thu số AA/0004474 ngày 10/02/2023; chị Nguyễn Thị Thanh T còn phải thi hành 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn anh Đỗ Xuân Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- UBND xã Q, huyện H,
- tỉnh Thanh Hóa (CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng